

Số: *16135* / CT-TTHT
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày *10* tháng *4* năm 2017

Kính gửi: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel
(Địa chỉ: Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6.KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
MST: 0102409426)

Trả lời công văn số 305/VTG-KTTC đề ngày 22/02/2017 của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel (sau đây gọi tắt là "VTG") hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

+ Tại Khoản 21 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"21. ...Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật."

+ Tại Khoản 1 Điều 9 quy định về thuế suất 0%:

"1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này."

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.

Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài



liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam. ..."

+ Tại Khoản 2 Điều 9 quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

"a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:

*- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;*

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này. ..."

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật; ..."

+ Tại Khoản 3 Điều 9 quy định về các trường hợp không áp dụng thuế suất 0%.

- Căn cứ Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế:

"Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC như sau:

"2. Các loại hóa đơn:

a) Hoá đơn giá trị gia tăng (mẫu số 3.1 Phụ lục 3 và mẫu số 5.1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) là loại hoá đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

- Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ trong nội địa;*
- Hoạt động vận tải quốc tế;*
- Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;*

...

Ví dụ:

- Doanh nghiệp A là doanh nghiệp khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ vừa có hoạt động bán hàng trong nước vừa có hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài. Doanh nghiệp A sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng cho hoạt động bán hàng trong nước và không cần lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài."

- Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

"Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

...

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

"b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)."

- Căn cứ Điểm 2.1 Khoản 2 Phụ lục 4 hướng dẫn lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ đối với một số trường hợp (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính):

"2. Trong một số trường hợp việc sử dụng và ghi hóa đơn, chứng từ được thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Tổ chức nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế bán hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng được miễn thuế GTGT thì sử dụng hóa đơn GTGT, trên hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ. ..."

Căn cứ quy định trên:

1. Trường hợp Công ty VTG ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật tại Peru cho Công ty Viettel Peru (gọi tắt là "Công ty VTP"). Để thực hiện hợp đồng, VTG thuê Công ty Cổ phần Tư vấn chuyên giao công nghệ ITC (gọi tắt là "Công ty ITC") có trụ sở tại Việt Nam thực hiện toàn bộ việc cung cấp dịch vụ cho VTP thì:

- Hợp đồng ký giữa Công ty VTG và Công ty VTP (có trụ sở tại Peru) được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty VTG là doanh nghiệp khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ không cần lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu dịch vụ mà sử dụng hóa đơn thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính đã trích dẫn ở trên.

- Hợp đồng ký giữa Công ty VTG và Công ty ITC, theo đó nhân sự của Công ty

ITC ở tại Việt Nam thực hiện việc hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật để cung cấp dịch vụ cho Công ty VTP (dịch vụ này thực hiện tại Việt Nam nhưng được tiêu dùng ngoài Việt Nam) thì không được áp dụng thuế suất GTGT 0% đối với dịch vụ này.

Công ty ITC xuất hóa đơn đối với dịch vụ nêu trên theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính đã trích dẫn ở trên.

2. Trường hợp Công ty VTG ký hợp đồng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel) có trụ sở tại Việt Nam về việc mua phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm (theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ) để cung cấp cho Công ty Viettel Burundi (trụ sở tại Burundi) thì:

- Đối với phần mềm máy tính: Giá trị phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Khi cung cấp phần mềm máy tính, Tập đoàn Viettel là doanh nghiệp khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ sử dụng hóa đơn GTGT, trên hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

- Đối với dịch vụ phần mềm:

+ Trường hợp dịch vụ phần mềm được thực hiện ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Tập đoàn Viettel phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam theo quy định.

Tập đoàn Viettel là doanh nghiệp khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ không cần lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính đã trích dẫn ở trên.

+ Trường hợp dịch vụ phần mềm được thực hiện tại Việt Nam thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Tập đoàn Viettel sử dụng hóa đơn GTGT, trên hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Tổng công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel biết đề thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: KT2, Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6/1)



Mai Sơn